

TỜ TRÌNH

**Về việc trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố
ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%)
phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, tại khoản 3 Điều 9 quy định: “3. Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.”.

Tại điểm c và điểm d khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định: “9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

...

c) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật này;

d) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu

quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương;

... ”

Căn cứ điểm 2 Điều 2 Nghị quyết số 70/2022/QH15 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023 đã quy định: “Tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và số bổ sung cân đối ngân sách được áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách đến năm 2025”.

Tại kỳ họp cuối năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố đã trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2023 đến năm 2025. Trong đó quy định đối tượng áp dụng và việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của 3 cấp chính quyền địa phương bao gồm: cấp thành phố; cấp quận, huyện và cấp xã, phường, thị trấn.

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, trong đó thống nhất tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp: cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố); kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Căn cứ Điều 1 Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ; tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ thành 32 xã, phường.

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ các văn bản pháp quy thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc sắp xếp, tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp và ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 2055/UBND-NC ngày 08 tháng 5 năm 2025 yêu cầu Thủ trưởng cơ quan, đơn vị rà soát và tham mưu xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân theo danh mục rà soát của Sở Tư pháp, trong đó có Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022

của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2023 đến năm 2025.

Qua rà soát, Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND quy định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2023 đến năm 2025 của 3 cấp chính quyền địa phương bao gồm: cấp thành phố; cấp quận, huyện và cấp xã, phường, thị trấn không còn phù hợp khi kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố.

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02 tháng 4 năm 2025, giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2025, bao gồm nhiệm vụ thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã theo hướng: việc phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã giữ ổn định sau sắp xếp, đảm bảo nguồn thu như các xã trước sắp xếp. Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện trước sắp xếp chuyển về ngân sách cấp thành phố để thực hiện. Vì vậy đặt ra yêu cầu cần thiết phải ban hành Nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa cấp thành phố và cấp xã, phường để tạo hành lang pháp lý cho quá trình triển khai thực hiện.

Từ các cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

- Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan;
- Tạo cơ sở pháp lý để giao và thực hiện dự toán ngân sách khi chính quyền địa phương 2 cấp chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và minh bạch, kịp thời của văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời phù hợp với tình hình cân đối thu - chi ngân sách thực tế của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố. Đồng thời Ủy ban nhân dân thành phố có Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2025 trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố theo trình tự, thủ tục rút gọn. Sở Tài chính tổ chức lấy các ý kiến đóng góp của các đơn vị, địa phương có liên quan; tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định, sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này ban hành Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách của thành phố Cần Thơ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Hiện nay, chủ trương hợp nhất thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang đã được thống nhất tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố. Như vậy, sau khi được Quốc hội thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành dự kiến năm 2026 thì việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách của thành phố Cần Thơ sẽ không còn phù hợp, phải trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành nghị quyết phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách mới áp dụng chung cho toàn thành phố Cần Thơ sau sáp nhập. Vì vậy việc ban hành Nghị quyết này chỉ có phạm vi điều chỉnh kể từ khi chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động đến thời điểm sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, dự kiến chậm nhất là ngày 15 tháng 9 năm 2025 theo khoản 7 Điều 10 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; các đơn vị sự nghiệp công lập; các cơ quan khác đóng trên địa bàn; các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các phường, xã;

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết có 03 điều. Cụ thể:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố Cần Thơ bao gồm 03 chương và 09 điều.

Chương I: Bao gồm 02 điều, quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Chương II: Bao gồm 02 Mục

+ Mục 1: 04 điều, quy định về phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước bao gồm các khoản thu ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã, phường hưởng 100%; các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp thành phố với ngân sách cấp xã, phường và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp chính quyền địa phương.

+ Mục 2: 02 điều quy định về phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã, phường.

Chương III: Bao gồm 01 điều, quy định về tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Cụ thể, Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo phương án như sau:

3.1. Nguyên tắc phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách

- Ngân sách cấp thành phố giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi toàn thành phố; đồng thời đảm bảo nguồn hỗ trợ các địa phương chưa cân đối được ngân sách.

- Đối với các xã, phường không sắp xếp: giữ nguyên tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu như trước sắp xếp;

- Đối với các xã, phường được sắp xếp từ các xã, phường, thị trấn có tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu khác nhau trước sắp xếp thì lấy tỷ lệ cao nhất trong các xã, phường, thị trấn trước sắp xếp. Tỷ lệ này phù hợp với mặt bằng chung trong cùng một địa bàn quận, huyện trước khi kết thúc hoạt động. Điều này nhằm mục tiêu đảm bảo nguồn thu ổn định, cao nhất của cấp xã sau sắp xếp.

3.2. Quy định về phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước bao gồm nguồn thu ngân sách cấp thành phố và nguồn thu ngân sách cấp xã, phường và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương

3.2.1. Quy định về các khoản thu ngân sách cấp thành phố được hưởng 100%

Các khoản thu ngân sách cấp thành phố hưởng 100% bao gồm các khoản thu ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp quận, huyện trước sắp xếp được quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2023 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND.

3.2.2. Quy định về các khoản thu ngân sách cấp xã, phường được hưởng 100%

Các khoản thu ngân sách cấp xã, phường được hưởng 100% được phân cấp trên cơ sở cộng gộp các khoản thu ngân sách cấp xã, phường, thị trấn được hưởng 100% trước sắp xếp thực hiện sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính cấp xã, phường mới sau sắp xếp và được quy định tại Điều 5 của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2023 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND.

3.2.3. Quy định về các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp thành phố với ngân sách cấp xã, phường

Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp thành phố với ngân sách cấp xã, phường được phân cấp trên cơ sở cộng gộp các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp thành phố với ngân sách cấp quận, huyện và các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp quận, huyện với ngân sách cấp xã, phường, thị trấn đã được quy định tại Điều 6 của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2023 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND.

3.2.4. Quy định về giao tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách của thành phố

Cơ bản giữ nguyên tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương được quy định tại Điều 7 của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2023 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND. Thực hiện theo nguyên tắc được Bộ Tài chính hướng dẫn tại Công văn số 4205/BTC-NSNN, theo đó việc phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã giữ ổn định sau sắp xếp, đảm bảo nguồn thu như các xã trước sắp xếp; nguồn thu của ngân sách cấp huyện trước sắp xếp chuyển về ngân sách cấp thành phố để thực hiện.

Nguyên tắc đề xuất giao tỷ lệ phần trăm (%) phân chia:

- Đối với các xã, phường không sắp xếp: giữ nguyên tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu như trước sắp xếp;

- Đối với các xã, phường được sắp xếp từ các xã, phường, thị trấn có tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu khác nhau trước sắp xếp thì đề xuất thực hiện như sau: đảm bảo thống nhất một tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu cấp xã sau sắp xếp là cao nhất trong các xã, phường, thị trấn trước sắp xếp. Tỷ lệ này phù hợp với mặt bằng chung trong cùng một địa bàn quận, huyện trước khi kết thúc hoạt động. Điều này nhằm mục tiêu đảm bảo nguồn thu ổn định, cao nhất của cấp xã sau sắp xếp.

3.3. Quy định về phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã, phường:

3.3.1. Các khoản chi ngân sách cấp thành phố

Cơ bản giữ nguyên các khoản chi ngân sách cấp thành phố được quy định tại Điều 8 của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2023 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND và thực hiện điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp, cụ thể:

• Điều chỉnh:

- Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi công tác phòng bệnh, công tác chữa bệnh (kể cả các Trung tâm y tế khu vực)...

Trước đây là Trung tâm y tế quận, huyện, nay chuyển đổi thành mô hình Trung tâm y tế khu vực. Đồng thời bỏ nội dung chi Trạm y tế xã, phường so với quy định tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND và chuyển nhiệm vụ chi này về cấp xã, phường thực hiện.

- Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã, phường.

3.3.2. Các khoản chi ngân sách cấp xã, phường

Các khoản chi ngân sách cấp xã, phường bao gồm các khoản chi ngân sách xã, phường, thị trấn trước sắp xếp được quy định tại Điều 10 của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2023 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND và thực hiện điều chỉnh, bổ sung nhằm đảm bảo phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp, cụ thể:

- Bổ sung:

- Sự nghiệp y tế: Kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo, học sinh, sinh viên, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp có mức sống trung bình và các đối tượng khác theo phân cấp; hoạt động Trạm y tế xã, phường; thực hiện các nhiệm vụ y tế khác do xã, phường quản lý; công tác dân số và gia đình.

- Sự nghiệp kinh tế gồm:

- + Sự nghiệp giao thông;

- + Sự nghiệp nông nghiệp;

- + Sự nghiệp thủy lợi;

- + Sự nghiệp kiến thiết thị chính;

- + Sự nghiệp kinh tế khác.

- Sự nghiệp bảo vệ môi trường

- Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã, phường từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

- Điều chỉnh:

Bãi bỏ nội dung chi hỗ trợ cho lực lượng dân phòng, Ban bảo vệ dân phố do lực lượng này đã được lập thành Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và hưởng mức chi cho hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định tại Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Nguồn kinh phí thực thi Nghị quyết: không.

2. Điều kiện đảm bảo thi hành.

Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai trong đó giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai Nghị quyết khi được thông qua.

3. Thời gian dự kiến trình đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết: kỳ họp thứ 21(kỳ họp chuyên đề) trong năm 2025.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố Cần Thơ, Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận./.

(Đính kèm phụ lục; dự thảo Nghị quyết và phụ lục của Hội đồng nhân dân thành phố)

Nơi nhận:

- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- Chi cục Thuế khu vực XIX;
- Sở Tài chính;
- VP. UBND TP;
- Lưu: VT,QT *vn*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thực Hiện



Phụ lục
LY LỆ PHÂN TRÂM PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH CỦA THÀNH PHỐ
Kiểm tra Từ trình số: 134/TT-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

STT	Tên xã, phường		Thuế thu nhập doanh nghiệp (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế thu đặc biệt (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế thu nhập cá nhân (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Lệ phí trước bạ		Lệ phí môn bài	
	Sau sắp xếp	Trước sắp xếp	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện
1	Phường Ninh Kiều		90%	10%	90%	10%	80%	20%	100%	0%	95%	5%	100%	0%	0%	100%
		Phường Tân An	68%	27%	5%	50%	45%	5%	15%	65%	20%	0%	95%	5%	0%	100%
		Phường Thới Bình	68%	22%	10%	50%	40%	10%	15%	45%	40%	0%	95%	5%	0%	100%
		Phường Xuân Khánh	68%	22%	10%	50%	40%	10%	15%	65%	20%	0%	95%	5%	0%	100%
2	Phường Cái Khế		90%	10%	90%	10%	70%	30%	100%	0%	95%	5%	100%	0%	0%	100%
		Phường An Hòa	68%	22%	10%	50%	40%	10%	15%	55%	30%	0%	95%	5%	0%	100%
		Phường Cái Khế	68%	27%	5%	50%	45%	5%	15%	65%	20%	0%	95%	5%	0%	100%
		Phường Bùi Hòa Nghĩa	13%	47%	13%	87%	0%	13%	13%	2%	85%	0%	9%	80%	20%	0%
3	Phường Tân An		90%	10%	90%	10%	70%	30%	100%	0%	95%	5%	100%	0%	0%	100%
		Phường An Khánh	68%	22%	10%	50%	40%	10%	15%	45%	40%	0%	95%	5%	0%	100%
		Phường Hưng Lợi	68%	27%	5%	50%	45%	5%	15%	65%	20%	0%	95%	5%	0%	100%
4	Phường An Bình		90%	10%	90%	10%	15%	85%	100%	0%	95%	5%	100%	0%	0%	100%
		Phường An Bình	68%	22%	10%	50%	40%	10%	15%	0%	85%	0%	9%	80%	20%	0%
		Xã Mỹ Khánh	13%	27%	60%	13%	27%	60%	13%	27%	60%	0%	9%	40%	60%	0%
		Phường Long Tuyền	13%	2%	85%	13%	87%	0%	13%	57%	30%	0%	9%	0%	100%	0%
5	Phường Thới An Đông		15%	85%	100%	0%	15%	85%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	0%	100%
		Phường Trà An	13%	2%	85%	13%	87%	0%	13%	2%	85%	0%	9%	80%	20%	0%
		Phường Thới An Đông	13%	2%	85%	13%	87%	0%	13%	57%	30%	0%	9%	0%	100%	0%
		Phường Trà Nóc	13%	57%	30%	13%	67%	20%	13%	2%	85%	0%	9%	10%	90%	0%
6	Phường Bình Thủy		65%	35%	100%	0%	15%	85%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	0%	100%
		Phường An Thới	13%	57%	30%	13%	67%	20%	13%	2%	85%	0%	9%	80%	20%	0%
		Phường Bình Thủy	13%	52%	35%	13%	87%	0%	13%	57%	30%	0%	9%	80%	20%	0%
		Phường Bùi Hòa Nghĩa	13%	47%	40%	13%	87%	0%	13%	2%	85%	0%	9%	80%	20%	0%
7	Phường Long Tuyền		15%	85%	100%	0%	15%	85%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	0%	100%
		Phường Long Hòa	13%	2%	85%	13%	87%	0%	13%	57%	30%	0%	9%	80%	20%	0%
		Phường Long Tuyền	13%	2%	85%	13%	87%	0%	13%	57%	30%	0%	9%	80%	20%	0%
8	Phường Cái Răng		65%	35%	65%	35%	60%	40%	100%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%
		Phường Lê Bình	13%	72%	15%	13%	87%	0%	13%	77%	10%	0%	9%	40%	60%	0%
		Phường Thưng Thanh	13%	52%	35%	13%	87%	0%	13%	47%	40%	0%	9%	30%	70%	0%
		Phường Ba Láng	13%	47%	40%	13%	87%	0%	13%	47%	40%	0%	9%	30%	70%	0%
		Phường Hưng Thạnh	13%	52%	35%	13%	87%	0%	13%	52%	35%	0%	9%	60%	40%	0%

STT	Tên xã, phường		Thuế giá trị gia tăng (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế thu nhập doanh nghiệp (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế tiêu thu đặc biệt (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế thu nhập cá nhân (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Lệ phí trước bạ		Lệ phí môn bài	
	Sau sắp xếp	Trước sắp xếp	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố
9	Phường Hưng Phú		65%		35%	65%		35%	100%		0%		30%		70%	100%	0%	0%
			13%	47%	40%	13%	47%	40%	13%	47%	40%	0%	0%	30%	70%	0%	0%	0%
	Phường Tân Phú																	
			13%	55%	32%	13%	55%	32%	13%	55%	32%	0%	0%	65%	35%	0%	0%	0%
			13%	52%	35%	13%	52%	35%	13%	52%	35%	0%	0%	60%	40%	0%	0%	0%
10	Phường Ô Môn		50%		50%	50%		50%	100%		0%		35%		65%	100%	0%	0%
			13%	86%	1%	13%	86%	1%	13%	86%	1%	0%	0%	75%	25%	0%	0%	0%
	Phường Châu Văn Liêm		13%	37%	50%	13%	37%	50%	13%	37%	50%	0%	0%	35%	65%	0%	0%	0%
	Phường Thới Hòa		13%	82%	5%	13%	82%	5%	13%	82%	5%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
	Phường Thới An		13%	27%	60%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
11	Phường Phước Thới		50%		50%	50%		50%	100%		0%		35%		65%	100%	0%	0%
			13%	37%	50%	13%	37%	50%	13%	37%	50%	0%	0%	35%	65%	0%	0%	0%
	Phường Phước Thới		13%	82%	5%	13%	82%	5%	13%	82%	5%	0%	0%	35%	65%	0%	0%	0%
12	Phường Thới Long		50%		50%	50%		50%	100%		0%		35%		65%	100%	0%	0%
			13%	37%	50%	13%	37%	50%	13%	37%	50%	0%	0%	35%	65%	0%	0%	0%
	Phường Thới Long		13%	82%	5%	13%	82%	5%	13%	82%	5%	0%	0%	35%	65%	0%	0%	0%
	Phường Tân Hưng		13%	2%	85%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
13	Phường Trung Nhứt		15%		85%	100%		0%	100%		0%		0%		100%	100%	0%	0%
			13%	2%	85%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
	Phường Thanh Hòa		13%	2%	85%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
	Phường Trung Nhứt		13%	2%	85%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
	Xã Trung An		13%	7%	80%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
14	Phường Thới Nốt		15%		85%	100%		0%	100%		0%		0%		100%	100%	0%	10%
			13%	2%	85%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
	Phường Thuận An		13%	37%	50%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
	Phường Thới Thuận		13%	37%	50%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
	Phường Thới Nốt		13%	73%	14%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
15	Phường Thuận Hưng		15%		85%	100%		0%	100%		0%		0%		100%	100%	0%	10%
			13%	2%	85%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
	Phường Thuận Hưng		13%	2%	85%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
	Phường Thới Nốt		13%	73%	14%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
16	Phường Tân Lộc		15%		85%	100%		0%	100%		0%		0%		100%	100%	0%	10%
	Phường Tân Lộc		13%	2%	85%	13%	87%	0%	13%	87%	0%	0%	0%	0%	100%	0%	0%	0%
17	Xã Phong Điền		40%		60%	40%		60%	40%		60%		40%		60%	100%	0%	0%
	Xã Tân Thới		13%	27%	60%	13%	27%	60%	13%	27%	60%	0%	0%	40%	60%	0%	0%	0%
	Xã Giai Xuân		13%	27%	60%	13%	27%	60%	13%	27%	60%	0%	0%	40%	60%	0%	0%	0%
	Thị trấn Phong Điền		13%	57%	30%	13%	57%	30%	13%	57%	30%	42%	45%	0%	100%	0%	0%	0%

STT	Tên xã, phường		Thuế giá trị gia tăng (kể cả tiền chậm nộp thuế)			Thuế thu nhập doanh nghiệp (kể cả tiền chậm nộp thuế)			Thuế tiêu thu đặc biệt (kể cả tiền chậm nộp thuế)			Thuế thu nhập cá nhân (kể cả tiền chậm nộp thuế)			Thuế sử dụng đất nông nghiệp			Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			Lệ phí trước bạ			Lệ phí môn bài		
	Sau sắp xếp	Trước sắp xếp	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã
18	Xã Nhâm Ai		40%		60%	40%		60%	40%		60%	40%		60%	100%		0%	40%		60%	100%		0%			100%
19	Xã Trường Long		40%		60%	40%		60%	60%		40%			60%	100%		0%	40%		60%	100%		0%			100%
20	Xã Thới Lai		40%		60%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%			100%
21	Xã Đông Thuận		40%		60%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%			100%
22	Xã Trường Xuân		40%		60%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%			100%
23	Xã Trường Thành		40%		60%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%			100%
24	Xã Cờ Đỏ		20%		80%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%			100%
25	Xã Đông Hiệp		20%		80%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%			100%
26	Xã Thanh Phú		20%		80%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%			100%
27	Xã Thới Hưng		20%		80%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%			100%
28	Xã Trung Hưng		20%		80%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%	100%		0%			100%

STT	Tên xã, phường		Thuế giá trị gia tăng (kể cả tiền chậm nộp thuế)			Thuế thu nhập doanh nghiệp (kể cả tiền chậm nộp thuế)			Thuế tiêu thụ đặc biệt (kể cả tiền chậm nộp thuế)			Thuế thu nhập cá nhân (kể cả tiền chậm nộp thuế)			Thuế sử dụng đất nông nghiệp			Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			Lệ phí nước hạ			Lệ phí môn bài		
	Sau sắp xếp	Trước sắp xếp	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã
29	Xã Vĩnh Thanh		30%		70%	30%		70%	65%		35%	65%		35%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%		0%	30%		70%
		Xã Thanh Lộc	13%	17%	70%	13%	17%	70%	13%	52%	35%	13%	52%	35%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	0%	30%	70%
		Xã Thanh Mỹ	13%	17%	70%	13%	17%	70%	13%	52%	35%	13%	52%	35%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	0%	30%	70%
		Thị trấn Vĩnh Thanh	13%	17%	70%	13%	17%	70%	13%	52%	35%	13%	52%	35%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	0%	30%	70%
30	Xã Vĩnh Trinh		30%		70%	30%		70%	65%		35%	65%		35%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%		0%	30%		70%
		Xã Vĩnh Bình	13%	17%	70%	13%	17%	70%	13%	52%	35%	13%	52%	35%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	0%	30%	70%
		Xã Vĩnh Trinh	13%	17%	70%	13%	17%	70%	13%	52%	35%	13%	52%	35%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	0%	30%	70%
31	Xã Thanh An		30%		70%	30%		70%	65%		35%	65%		35%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%		0%	30%		70%
		Xã Thanh Lợi	13%	17%	70%	13%	17%	70%	13%	52%	35%	13%	52%	35%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	0%	30%	70%
		Xã Thanh Thắng	13%	17%	70%	13%	17%	70%	13%	52%	35%	13%	52%	35%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	0%	30%	70%
		Thị trấn Thanh An	13%	17%	70%	13%	17%	70%	13%	52%	35%	13%	52%	35%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	0%	30%	70%
32	Xã Thanh Quới		30%		70%	30%		70%	65%		35%	65%		35%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%		0%	30%		70%
		Xã Thanh Tiến	13%	17%	70%	13%	17%	70%	13%	52%	35%	13%	52%	35%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	0%	30%	70%
		Xã Thanh An	13%	17%	70%	13%	17%	70%	13%	52%	35%	13%	52%	35%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	0%	30%	70%
		Xã Thanh Quới	13%	17%	70%	13%	17%	70%	13%	52%	35%	13%	52%	35%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	0%	30%	70%



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2023 đến năm 2025 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ hai mươi một thông qua ngày tháng năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Bộ Tài chính;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Website Chính phủ;
- TT Công báo, Chi cục VT-LT thành phố;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia
giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách của thành phố Cần Thơ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; các đơn vị sự nghiệp công lập; các cơ quan khác đóng trên địa bàn; các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Các khoản thu ngân sách cấp thành phố được hưởng 100%

1. Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp và tiêu thụ đặc biệt kể cả tiền chậm nộp (trừ các khoản thu từ hàng hóa nhập khẩu) thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; thu từ khu vực công - thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do cơ quan thuế quản lý thu cấp thành phố theo quy định pháp luật.
2. Thuế thu nhập cá nhân (kể cả tiền chậm nộp) do cơ quan thuế quản lý thu cấp thành phố.
3. Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí.
4. Thuế bảo vệ môi trường kể cả tiền chậm nộp (phần ngân sách địa phương

được hưởng).

5. Thu tiền sử dụng đất, không kể tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Trung ương quản lý.

6. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước, không kể tiền thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí.

7. Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

8. Lệ phí môn bài của đối tượng do cơ quan thuế quản lý thu cấp thành phố.

9. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

10. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế theo quy định; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu.

11. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách cấp thành phố tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý.

12. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp thành phố.

13. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thuộc thành phố thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

14. Lệ phí do các cơ quan nhà nước thành phố thực hiện thu.

15. Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

16. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước thành phố thực hiện.

17. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

18. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

19. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp thành phố theo quy định của pháp luật.

20. Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép do cơ quan trung ương cấp phép (phần ngân sách địa phương hưởng 30% số thu).

21. Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép do Ủy ban nhân dân thành phố cấp phép.

22. Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với giấy phép do Ủy ban nhân dân thành phố cấp phép.

23. Tiền chậm nộp thuế tài nguyên khác còn lại.

24. Tiền chậm nộp các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.

25. Tiền chậm nộp các khoản khác ngân sách địa phương được hưởng, do cơ quan cấp thành phố quản lý thu.

26. Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

27. Các khoản thu khác ngân sách cấp thành phố được hưởng theo quy định của pháp luật.

28. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

29. Thu kết dư ngân sách cấp thành phố.

30. Thu tiền vay cho đầu tư theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước.

31. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

32. Thu chuyển nguồn từ ngân sách cấp thành phố năm trước sang ngân sách cấp thành phố năm sau.

33. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên.

Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp xã, phường được hưởng 100%

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thuộc xã, phường thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc xã, phường thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí do các cơ quan nhà nước xã, phường thực hiện thu.

3. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp xã, phường theo quy định của pháp luật.

4. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước xã, phường thực hiện.

5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã, phường xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

6. Tiền chậm nộp các khoản khác ngân sách địa phương được hưởng, do cơ quan cấp xã, phường quản lý thu.

7. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở nước ngoài theo quy định của pháp luật trực tiếp cho cấp xã, phường.

8. Các khoản thu khác ngân sách cấp xã, phường được hưởng theo quy định của pháp luật.

9. Thu kết dư của ngân sách cấp xã, phường.

10. Thu chuyển nguồn từ ngân sách cấp xã, phường năm trước sang ngân sách cấp xã, phường năm sau.

11. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp thành phố.

Điều 5. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp thành phố với ngân sách cấp xã, phường

1. Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp và tiêu thụ đặc biệt thu kể cả tiền chậm nộp từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do cơ quan thuế quản lý thu cấp xã, phường (trừ hàng hóa nhập khẩu).

2. Thuế thu nhập cá nhân kể cả tiền chậm nộp thuế do cơ quan thuế quản lý thu cấp xã, phường.

3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

5. Lệ phí trước bạ.

6. Lệ phí môn bài của đối tượng do cơ quan thuế quản lý thu cấp xã, phường.

Điều 6. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách của thành phố

Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp thành phố với ngân sách cấp xã, phường kèm theo Phụ lục - Bảng tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp thành phố với ngân sách cấp xã, phường.

Mục 2. PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 7. Các khoản chi ngân sách cấp thành phố

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp thành phố quản lý;

- b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

- a) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề;
- b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;
- c) Quốc phòng - an ninh (không kể phần giao cho cấp xã quản lý):

- Quốc phòng: Giáo dục Quốc phòng - an ninh; Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác; Thực hiện kế hoạch xây dựng thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc theo phân công của Chính phủ; Tổ chức huy động lực lượng dự bị động viên theo quy định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh về Dự bị động viên; Tổ chức và hoạt động của lực lượng Dân quân tự vệ; Xây dựng, huấn luyện, diễn tập lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên thuộc bộ đội địa phương; Tuyển chọn công dân đi đào tạo sĩ quan dự bị; Đào tạo chỉ huy trưởng quân sự xã, phường; Mua sắm và vận chuyển vũ khí, khí tài, quân trang quân dụng cho lực lượng dân quân tự vệ và quân nhân dự bị; Tuyển quân và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về; Chi trả phụ cấp trách nhiệm dân quân tự vệ và dự bị động viên; Chi văn phòng phẩm, điện, nước, cước phí điện thoại, nhiên liệu, các khoản phụ cấp, công tác phí, hỗ trợ đi học, tập huấn theo quy định; Chi hội thi, hội thao, hội diễn cấp thành phố và tham gia hội thao quân khu; Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị của đơn vị; Chi nghiên cứu khoa học và công nghệ môi trường phục vụ công tác quốc phòng; Chi phòng chống lụt bão, cứu hộ cứu nạn; Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

- An ninh và trật tự an toàn xã hội: Hỗ trợ công tác phòng ngừa, phòng chống các loại tội phạm; Hỗ trợ công tác giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội; Hỗ trợ công tác phòng cháy, chữa cháy; Hỗ trợ sửa chữa nhà tạm giam, tạm giữ; Hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi công tác phòng bệnh, công tác chữa bệnh (kể cả các Trung tâm y tế khu vực); công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe cán bộ; chi cho công tác điều dưỡng và phục hồi chức năng và các hoạt động y tế khác thuộc cấp thành phố quản lý; kinh phí thực hiện nhiệm vụ dân số; kinh phí mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng theo quy định; các nhiệm vụ y tế khác do thành phố quản lý; công tác gia đình.

đ) Sự nghiệp văn hóa, thông tin (bao gồm cả chi cho ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, hướng đến chính phủ số, chính quyền số); phát thanh truyền hình; thể dục, thể thao do các cơ quan cấp thành phố quản lý;

- e) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

g) Các hoạt động kinh tế do các cơ quan cấp thành phố quản lý gồm:

- Hoạt động bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông do Nhà nước thực hiện;

- Hoạt động bảo vệ, nuôi trồng, chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, khai thác trong nông nghiệp, thủy sản, thủy lợi; định canh, định cư và phát triển nông thôn do Nhà nước thực hiện;

- Hoạt động quản lý sử dụng, khai thác đất đai; tài nguyên; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ do Nhà nước thực hiện;

- Hoạt động sự nghiệp kiến thiết thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

- Triển khai các Đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực;

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

h) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội, hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp theo quy định của pháp luật, gồm:

- Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân cấp thành phố;

- Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp thành phố theo quy định của pháp luật.

i) Đảm bảo xã hội do cấp thành phố quản lý gồm: chi hoạt động các trại xã hội, cứu tế xã hội, trại mồ côi, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương bảo đảm theo quy định của pháp luật;

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ gốc, lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ khoản tiền vay cho đầu tư theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính.

5. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp thành phố từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã, phường.

Điều 8. Các khoản chi ngân sách cấp xã, phường

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Thực hiện theo quy định hiện hành về phân cấp

quyết định đầu tư.

2. Chi thường xuyên:

a) Sự nghiệp giáo dục;

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu khoa học và công nghệ);

c) Chi quốc phòng - an ninh:

- Huấn luyện dân quân tự vệ;

- Đăng ký nghĩa vụ quân sự, đưa thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự;

- Giáo dục, tuyên truyền phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

- Chi hỗ trợ cho lực lượng Dân quân tự vệ theo quy định của Luật Dân quân tự vệ

d) Sự nghiệp y tế: Kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo, học sinh, sinh viên, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp có mức sống trung bình và các đối tượng khác theo phân cấp; hoạt động Trạm y tế xã, phường; thực hiện các nhiệm vụ y tế khác do xã, phường quản lý; công tác dân số và gia đình.

đ) Sự nghiệp kinh tế gồm:

- Sự nghiệp giao thông;

- Sự nghiệp nông nghiệp;

- Sự nghiệp thủy lợi;

- Sự nghiệp kiến thiết thị chính;

- Sự nghiệp kinh tế khác.

e) Sự nghiệp bảo vệ môi trường

g) Sự nghiệp văn hóa, thông tin, truyền thanh, thể dục, thể thao.

h) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội, hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp theo quy định của pháp luật, gồm:

- Chi lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định của cán bộ, công chức theo quy định;

- Chi phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách, kể cả bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế;

- Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, phường theo quy định;

- Kinh phí hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể;
- Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp xã theo quy định của pháp luật;

i) Chi đảm bảo xã hội.

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã, phường từ ngân sách năm trước sang năm sau.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Căn cứ vào nội dung phân cấp theo các quy định trên, các cơ quan, đơn vị và các cấp ngân sách địa phương tổ chức thực hiện đúng theo quy định./.

Phụ lục

TỶ LỆ PHẦN TRÂM PHẦN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH CỦA THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Tên xã, phường	Thuế giá trị gia tăng (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế thu nhập doanh nghiệp (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế tiêu thụ đặc biệt (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế thu nhập cá nhân (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Lệ phí trước bạ		Lệ phí môn bài	
		Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã
1	Phường Ninh Kiều	90%	10%	90%	10%	90%	10%	80%	20%	100%	0%	95%	5%	100%	0%	0%	100%
2	Phường Cái Khế	90%	10%	90%	10%	90%	10%	70%	30%	100%	0%	95%	5%	100%	0%	0%	100%
3	Phường Tân An	90%	10%	90%	10%	90%	10%	70%	30%	100%	0%	95%	5%	100%	0%	0%	100%
4	Phường An Bình	90%	10%	90%	10%	90%	10%	15%	85%	100%	0%	95%	5%	100%	0%	0%	100%
5	Phường Thới An Đông	15%	85%	100%	0%	15%	85%	15%	85%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%
6	Phường Bình Thủy	65%	35%	100%	0%	70%	30%	15%	85%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%
7	Phường Long Tuyền	15%	85%	100%	0%	15%	85%	70%	30%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%
8	Phường Cái Răng	65%	35%	65%	35%	100%	0%	60%	40%	100%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%
9	Phường Hưng Phú	65%	35%	65%	35%	100%	0%	60%	40%	100%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%
10	Phường Ô Môn	50%	50%	50%	50%	50%	50%	100%	0%	100%	0%	35%	65%	100%	0%	0%	100%
11	Phường Phước Thới	50%	50%	50%	50%	50%	50%	100%	0%	100%	0%	35%	65%	100%	0%	0%	100%
12	Phường Thới Long	50%	50%	50%	50%	50%	50%	100%	0%	100%	0%	35%	65%	100%	0%	0%	100%
13	Phường Trung Nhứt	15%	85%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%
14	Phường Thốt Nốt	15%	85%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	10%	90%
15	Phường Thuận Hưng	15%	85%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	10%	90%
16	Phường Tân Lộc	15%	85%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	10%	90%
17	Xã Phong Điền	40%	60%	40%	60%	40%	60%	40%	60%	100%	0%	40%	60%	100%	0%	0%	100%

STT	Tên xã, phường	Thuế giá trị gia tăng (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế thu nhập doanh nghiệp (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế tiêu thụ đặc biệt (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế thu nhập cá nhân (kể cả tiền chậm nộp thuế)		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Lệ phí trước bạ		Lệ phí môn bài	
		Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã	Cấp Thành phố	Cấp Xã
18	Xã Nhơn Ái	40%	60%	40%	60%	40%	60%	40%	60%	100%	0%	40%	60%	100%	0%	0%	100%
19	Xã Trường Long	40%	60%	40%	60%	40%	60%	40%	60%	100%	0%	40%	60%	100%	0%	0%	100%
20	Xã Thới Lai	40%	60%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%
21	Xã Đông Thuận	40%	60%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%
22	Xã Trường Xuân	40%	60%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%
23	Xã Trường Thành	40%	60%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%
24	Xã Cờ Đỏ	20%	80%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%
25	Xã Đông Hiệp	20%	80%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%
26	Xã Thanh Phú	20%	80%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%
27	Xã Thới Hưng	20%	80%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%
28	Xã Trung Hưng	20%	80%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%
29	Xã Vĩnh Thạnh	30%	70%	30%	70%	65%	35%	65%	35%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	30%	70%
30	Xã Vĩnh Trinh	30%	70%	30%	70%	65%	35%	65%	35%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	30%	70%
31	Xã Thanh An	30%	70%	30%	70%	65%	35%	65%	35%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	30%	70%
32	Xã Thạnh Quới	30%	70%	30%	70%	65%	35%	65%	35%	0%	100%	0%	100%	100%	0%	30%	70%

Cần Thơ, ngày 06 tháng 6 năm 2025

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI
VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH QUY ĐỊNH PHÂN CẤP
NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA
GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Sở Tài chính đã tổ chức lấy kiến đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố.

1. Cơ quan, đơn vị lấy ý kiến

Tổng số cơ quan, đơn vị đã gửi xin ý kiến: 32 cơ quan, đơn vị (gọi chung là đơn vị)

Tổng số ý kiến nhận được: 13.

(Trong đó: có 10/13 đơn vị thống nhất và 03/13 đơn vị có ý kiến đóng góp).

Đối với các cơ quan, tổ chức chưa có văn bản phản hồi ý kiến đóng góp, xem như thống nhất nội dung dự thảo.

2. Kết quả cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Công văn số 2349/SVHTTDL-KHTC ngày 02/6/2025)	Thống nhất	
2	Thanh tra thành phố (Công văn số 952/TTr-VP ngày 03/6/2025)	Thống nhất	

3	Sở Xây dựng (Công văn số 1869/SXD-KHTC ngày 03/6/2025)	Thông nhất	
4	Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại và hội chợ triển lãm (Công văn số 306/TTXT-VP ngày 03/6/2025)	Thông nhất	
5	Sở Khoa học và Công nghệ (Công văn số 952/SKHCN-VP ngày 03/6/2025)	Thông nhất	
6	Chi cục Thuế khu vực XIX (Công văn số 1445/CCTKV.XIX- NVDTPC ngày 03/6/2025)	Đối chiếu với dự kiến phân cấp nguồn thu tại dự thảo Phụ lục tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách của thành phố (sau đây gọi tắt là dự thảo Phụ lục) thì: - Nguồn thu lệ phí trước bạ: dự kiến chuyển về ngân sách cấp thành phố hưởng 100%, điều này không phù hợp với quy định tại Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước. => Đối chiếu giữa nội dung dự thảo Quy định và Phụ lục thì nguồn thu lệ phí trước bạ được quy định tại Điều 5 dự thảo Quy định về “Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp thành phố với ngân sách cấp xã, phường” nhưng theo dự thảo Phụ lục thì nguồn thu này lại thuộc ngân sách cấp thành phố hưởng 100%. Thêm vào đó, trường hợp chuyển nguồn thu này về ngân sách cấp thành phố thì cơ quan Chi cục Thuế phải thực hiện quản lý thu, sẽ dẫn đến bất tiện trong việc liên hệ thực hiện thủ tục khai, nộp của người dân, nhất là ở các địa bàn phường, xã xa trụ sở cơ quan Chi cục Thuế. Vì vậy, Chi cục Thuế đề xuất xem xét, phân cấp nguồn thu	Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02 tháng 4 năm 2025, giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2025, bao gồm nhiệm vụ thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã theo hướng: việc phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã giữ ổn định sau sắp xếp, đảm bảo nguồn thu như các xã trước sắp xếp. Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện trước sắp xếp chuyển về ngân sách cấp thành phố để thực hiện. Vì vậy đề đảm bảo ổn định nguồn thu ngân sách cấp xã sau sắp xếp như các xã trước sắp xếp, Sở Tài chính tham mưu đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã thực hiện như sau: đảm bảo thống nhất một tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu cấp xã sau sắp xếp là cao nhất trong các xã, phường, thị trấn trước sắp xếp. Tỷ lệ này phù

		này cho các đơn vị xã, phường tiếp tục thực hiện quản lý thu (ngân sách cấp xã hưởng) để tạo động lực và nâng cao trách nhiệm của cấp cơ sở trong tổ chức quản lý thu và tạo thuận tiện cho người dân tại các phường, xã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế. - Nguồn thu thuế sử dụng đất nông nghiệp, phi nông nghiệp: khoản thu này từ trước đến nay do các xã, phường, thị trấn quản lý thu và cơ quan thuế giao dự toán nguồn thu này toàn bộ cho cấp Đội Thuế thực hiện. Tuy nhiên theo dự thảo Phụ lục thì phân cấp nguồn thu này giữa 02 cấp ngân sách không đồng nhất giữa các địa bàn. Ví dụ: một số phường (Ninh Kiều, Cái Khế, Tân An,...): giao cấp thành phố hưởng 95%, cấp xã 5%; một số phường (Bình Thủy, Long Tuyền, Thốt Nốt,...) thì giao cấp thành phố hưởng 100%. Việc phân chia cấp ngân sách hưởng nguồn thu không thống nhất giữa các địa bàn sẽ dẫn đến khó khăn cũng như không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong công tác phân giao nhiệm vụ thu giữa các đơn vị cơ quan thuế cùng cấp. => Chi cục Thuế đề xuất xem xét, phân cấp nguồn thu này cho các đơn vị xã, phường tiếp tục thực hiện quản lý thu (ngân sách cấp xã hưởng) để tạo động lực và nâng cao trách nhiệm của cấp cơ sở trong triển khai công tác quản lý thu và tạo nguồn kinh phí cho ngân sách cấp xã. - Nguồn thu khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh: dự thảo quy định nguồn thu này tại cả điều 3 - Các khoản thu ngân sách cấp thành phố hưởng 100% và tại Điều 5 - Các khoản thu phân	hợp với mặt bằng chung trong cùng một địa bàn quận, huyện trước khi kết thúc hoạt động. Điều này nhằm mục tiêu đảm bảo nguồn thu ổn định, cao nhất của cấp xã sau sắp xếp. Vì vậy Sở Tài chính bảo lưu đề xuất phân chia đối với lệ phí trước bạ, thuế sử dụng đất nông nghiệp và phi nông nghiệp. Đồng thời Sở Tài chính ghi nhận ý kiến đóng góp này khi phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho thời kỳ ổn định ngân sách mới. - Nguồn thu khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh: Sở Tài chính tiếp thu và điều chỉnh
--	--	--	---

		chia giữa ngân sách cấp thành phố với ngân sách cấp xã, phường. => Chi cục Thuế đề xuất bỏ khoản thu này ở điều 3 để phù hợp với thực tế quản lý thu và dự thảo Phụ lục (dự thảo Phụ lục quy định đây là khoản thu phân chia giữa 02 cấp)	
7	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Công văn số 1983/SNNMT-KHTC ngày 04/6/2025)	Thông nhất	
8	Sở Y tế (Công văn số 1161/SYT-KHTC ngày 04/6/2025)	Thông nhất	
9	Sở Công thương (Công văn số 1538/SCT-VP ngày 05/6/2025)	Thông nhất	
10	Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền (Công văn số 1168/UBND-NS ngày 05/6/2025)	Thông nhất	
11	Sở Ngoại vụ (Công văn số 1036/SNgV-VP ngày 05/6/2025)	Thông nhất	
12	Sở Tư pháp (Công văn số 1670/STP-NV2 ngày 06/6/2025)	1. Về nội dung dự thảo: - Tên dự thảo: Tên gọi của dự thảo hiện tại theo hướng Nghị quyết quy định trực tiếp nhưng dự thảo lại được xây dựng theo hướng Nghị quyết ban hành Quy định kèm theo. Do đó, đề nghị điều chỉnh lại cho thống nhất. - Phần căn cứ ban hành: Cần rà soát lại để đảm bảo quy định tại Điều 62 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “Căn cứ	1. Về nội dung dự thảo: Sở Tài chính đã tiếp thu, điều chỉnh các nội dung liên quan đến tên dự thảo Nghị quyết, căn cứ ban hành, nơi nhận và dự thảo quy định. 2. Về thể thức và kỹ thuật trình bày: Sở Tài chính đã tiếp thu, điều chỉnh theo theo mẫu số 18 của Phụ lục III đính kèm Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

		ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản”, ví dụ: Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, ... - Nơi nhận: Cần rà soát ghi chính xác tên của các cơ quan (ví dụ: Cục KTVB của Bộ Tư pháp hiện nay là Cục KTVB và QLXLVPHC,...). - Điều 1 dự thảo Quy định kèm theo: Đề nghị bỏ cụm từ “kể từ khi chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động”. - Điều 2 dự thảo Quy định kèm theo nêu đối tượng áp dụng là “Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị dự toán cấp thành phố”, đề nghị xem lại để tránh trùng lặp (ví dụ: Các sở, ban, ngành và các đơn vị dự toán cấp thành phố,...). - Các nội dung khác, đề nghị Sở Tài chính rà soát, đảm bảo phù hợp quy định. 2. Về thể thức, kỹ thuật trình bày: Đề nghị thực hiện theo quy định của Nghị định số
--	--	--

		78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ví dụ: Nếu tham mưu ban hành Nghị quyết quy định trực tiếp, đề nghị thực hiện theo mẫu số 17 của Phụ lục III đính kèm Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; nếu tham mưu ban hành Nghị quyết ban hành Quy định kèm theo, đề nghị thực hiện theo mẫu số 18 của Phụ lục III đính kèm Nghị định số 78/2025/NĐ-CP,...	
13	Kho bạc Nhà nước KV XIX (Công văn số 532/KBXIX-KTNN ngày 06/6/2025)	1. Tại Điều 3, các khoản thu ngân sách cấp thành phố được hưởng 100% - Khoản 1 đề nghị điều chỉnh, bổ sung: “Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp và tiêu thụ đặc biệt kể cả tiền chậm nộp (<i>trừ các khoản thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>) thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; thu từ khu vực công - thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh <i>do Chi cục Thuế trực tiếp quản lý</i> (hoặc cơ quan quản lý thuế cấp tỉnh) theo quy định pháp luật.” - Bổ sung thêm khoản thu ngân sách thành phố được hưởng 100%: “Thuế thu nhập cá nhân (kể cả tiền chậm nộp) do Chi cục Thuế quản lý. - Khoản 7 đề nghị điều chỉnh, bổ sung: “Lệ phí môn bài của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc thành phố” - Khoản 18 đề nghị điều chỉnh, bổ sung: “Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật” - Khoản 24 đề nghị điều chỉnh, bổ sung: “<i>Tiền chậm nộp các</i>	Sở Tài chính đã tiếp thu, điều chỉnh đối với các ý kiến góp ý về Điều 3 Các khoản thu ngân sách cấp thành phố được hưởng 100%, Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp xã, phường được hưởng 100%, Điều 5. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp thành phố với ngân sách cấp xã, phường.

	<i>khoản thu khác do Chi cục Thuế trực tiếp quản lý thu</i> 2. Tại Điều 4, các khoản thu ngân sách cấp xã, phường được hưởng 100% - Khoản 3 đề nghị điều chỉnh, bổ sung: “<i>Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách xã, phường theo quy định của pháp luật</i>” - Khoản 6 đề nghị điều chỉnh, bổ sung: “<i>Tiền chậm nộp các khoản thu khác do Đội Thuế (hoặc Thuế cơ sở) trực tiếp quản lý thu.</i>” 3. Tại Điều 5, các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp thành phố với ngân sách cấp xã, phường - Khoản 1 đề nghị điều chỉnh, bổ sung: “<i>Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp và tiêu thụ đặc biệt thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ các khoản thu đã quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này)</i>” - Khoản 2 đề nghị điều chỉnh, bổ sung: “<i>Thuế thu nhập cá nhân (trừ các khoản thu đã quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết này)</i>” - Khoản 3 đề nghị điều chỉnh, bổ sung: “<i>Tiền chậm nộp thuế thu nhập cá nhân (trừ các khoản thu đã quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết này)</i>” - Khoản 10 đề nghị điều chỉnh, bổ sung: “<i>Lệ phí môn bài của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (trừ các khoản thu đã quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị quyết này).</i>” 4. Nội dung khác - Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm	
--	--	--

		2015: “Ngân sách xã, thị trấn được phân chia nguồn thu từ các khoản: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất”. Theo quy định này ngân sách cấp xã phải được phân chia nguồn thu nhưng tại Phụ lục đính kèm dự thảo Nghị quyết một số khoản thu như: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, lệ phí trước bạ chưa được phân chia cho ngân sách cấp xã, phường. - Tại dòng Xã Vĩnh Thạnh, Xã Vĩnh Trinh, Xã Thanh An, Xã Thanh Quới cột “Thuế tiêu thụ đặc biệt (kể cả tiền chậm nộp thuế)”, “Thuế thu nhập cá nhân (kể cả tiền chậm nộp thuế)” của Phụ lục đính kèm dự thảo Nghị quyết tỷ lệ phân chia giữa cấp thành phố và cấp xã bị sai số học. - Tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết đề nghị bỏ cột “Cấp Huyện” để phù hợp với việc tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp theo Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. - Tại điểm b khoản 2 Điều 8 đề nghị điều chỉnh thành: “<i>Sự nghiệp khoa học và công nghệ (trừ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ)</i>” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Luật ngân sách nhà nước.	
--	--	---	--